TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hoàng và ông Trần Quang Thái.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim H, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm ĐS 1, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang; số điện thoại: 0962.24.37.334

- Bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm ĐS 1, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang; số điện thoại: 0357.884.315

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Kim H trình bày:

Chị và anh C chung sống từ năm 2018, do hai bên tự tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ cH sống ở Bình Dương đi làm công nhân. Quá trình chung sống do không có tiếng nói chung nên cả hai thường xuyên cự cãi nhưng không có biện pháp hàn gắn nên mâu thuẫn càng lúc càng nghiêm trọng. Cách đây khoảng 6 tháng thì vợ cH đã sống ly thân và từ đó đến nay không ai muốn hàn gắn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh C.

Anh C vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh Phan Văn C vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh C; tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Kim H và anh Phan Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, do UBND xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21 tháng 02 năm 2018). Anh Phan Văn C có hộ khẩu thường trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Phan Văn C vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2018 tại UBND xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị H trình bày vợ cH phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế và tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vả, mặc dù đã tìm nhiều biện pháp nhưng không hàn gắn được nên cả hai quyết định sống ly thân. Trong thời gian sống riêng hai bên cũng không muốn hàn gắn, do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị H yêu cầu ly hôn anh C.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải để hai bên có cơ hội hàn gắn nhưng anh C đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, chị H được ly hôn anh C.

[4] Về con chung: Chị H trình bày trong quá trình chung sống chị và anh C không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Kim H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim H được ly hôn anh Phan Văn C

Giấy chứng nhận kết hôn số 23, do UBND xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21 tháng 02 năm 2018 cho chị Trần Thị Kim H và anh Phan Văn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011697 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, chị H không phải nộp thêm. Anh Phan Văn C không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã Thạnh Hưng, H.Giồng Riềng, Kiên Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mỹ Linh